

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI

**CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÁC TỔ CHỨC VỆ TINH
(SPIN-OFF) THÀNH DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP
TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM
(NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI)**

Chuyên ngành: Quản lý Khoa học và Công nghệ

Mã số: 9340412.01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

HÀ NỘI - 2022

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Trần Thị Minh Hòa**

Giới thiệu 1:

Giới thiệu 2:

Giới thiệu 3:

Luận án đã được bảo vệ trước Hội đồng cấp cơ sở chấm luận án tiến sĩ họp tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN

vào hồi: giờ ngày tháng năm 2022

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Thị Tuyết Mai (2020) “Tổng quan về chính sách phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học: Những vấn đề đặt ra cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, Tập 6, số 2b (tr.229-239).
2. Nguyen Thi Tuyen Mai (2021) “Policy for the development of spin-off into start-up in university: International experience and practice in VietNam”, *The International conference on Contemporary Issues in Substainable Development (CISD2021) Part1* pp. 423-432.
3. Nguyen Thi Tuyen Mai (2022), “Science transfer adhering to the science-technology business model in VietNam National University, Hanoi: Reality and Prospects”, *The International Journal of Humanities & Social Study (IJHSS)*, Vol.10 (3), March 2022, pp.77-83, DOI: 10.24940/theijhss/2022/v10/i3/HS2203-045, ISSN online 2321-9203.

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, một cuộc cách mạng đang làm thay đổi căn bản cách sống, học tập và làm việc, tương tác và liên hệ với nhau trong cộng đồng. Công nghệ mới và các mô hình kinh doanh tri thức mới đã vươn tầm ảnh hưởng toàn cầu một mặt phá vỡ các chuỗi giá trị hiện có nhưng mặt khác cũng tạo ra những cách thức mới đáp ứng nhu cầu của loài người. Trong bối cảnh toàn cầu mới này, tài năng con người dưới dạng thức khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo đã trở thành một nhân tố có vai trò then chốt. Mô hình trường đại học truyền thống với nhiệm vụ là đào tạo những sinh viên xuất sắc và công bố nhiều kết quả nghiên cứu khoa học đã được coi là làm tròn sứ mệnh. Nhận thức được sự thay đổi đó, Đảng và Nhà nước cũng đã có những chính sách kịp thời nhằm dẫn thay đổi, thúc đẩy giáo dục phát triển theo định hướng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, điều này được thể hiện ở những văn bản pháp lý như Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X). Các Hội nghị của Trung ương đã ban hành nhiều Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định... nhằm phát triển toàn diện và bền vững trong dài hạn của hệ thống giáo dục đại học.

Xuất phát từ mong muốn làm rõ tác động chính sách KH&CN đến GD&ĐT, cụ thể là giáo dục đại học, NCS đã lựa chọn vấn đề *“Chính sách phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học ở Việt Nam - nghiên cứu trường hợp Đại học Quốc gia Hà Nội”* làm đề tài nghiên cứu.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Phân tích các chính sách và thực tiễn phát triển của các tổ chức vệ tinh, quá trình chuyển đổi từ tổ chức vệ tinh thành doanh nghiệp khởi nghiệp ở Đại học Quốc gia Hà Nội. Từ đó, đề xuất hoàn thiện chính sách phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong hệ thống trường, viện trong Đại học Quốc gia Hà Nội.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan và phân tích các nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến tổ chức vệ tinh, quá trình chuyển đổi tổ chức vệ tinh thành doanh nghiệp khoa học công nghệ trên thế giới và ở Việt Nam.
- Làm rõ cơ sở lý luận về chính sách phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học ở Việt Nam.
- Phân tích, đánh giá các chính sách hình thành và phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) trong trường đại học và phân tích, đưa ra những điều kiện cần và đủ để phát triển spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp.
- Đề xuất giải pháp chính sách phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi thứ nhất: Các trường đại học ở Việt Nam hiện nay cần những chính sách như thế nào để phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp?

Câu hỏi thứ hai: Điều kiện nào để phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học ?

Câu hỏi thứ ba: Thực trạng chính sách phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội hiện nay như thế nào?

4. Giả thuyết nghiên cứu

+ *Giả thuyết thứ nhất:* Các trường đại học ở Việt Nam cần có chính sách tạo nguồn lực bằng việc thành lập các quỹ đầu tư mạo hiểm, huy động vốn cộng đồng, nhà đầu tư thiên thần, thành lập các đơn vị trung gian giúp hỗ trợ, phát triển sản phẩm khoa học và công nghệ ra ngoài thị trường đáp ứng nhu cầu xã hội.

+ *Giả thuyết thứ hai:* Các trường đại học ở Việt Nam phát triển doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp cần có các điều kiện:

Điều kiện cần: Có công nghệ mới, tư duy thị trường trong phát triển công nghệ (thị trường kéo), có nguồn vốn đầu tư: Quỹ đầu tư mạo hiểm, nhà đầu tư thiên thần, vốn cộng đồng

Điều kiện đủ: Có hành lang pháp lý đủ lớn, văn hóa lãnh đạo (tư tưởng thông suốt của lãnh đạo, chấp nhận rủi ro), có những nhà khoa học đam mê nghiên cứu và có tinh thần kinh thương

+ *Giả thuyết thứ ba:* Chính sách phát triển doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội hiện nay vẫn còn có những hạn chế nhất định liên quan đến nguồn lực thực hiện, lợi ích các bên liên quan và cách thức tổ chức hoạt động.

5. Đối tượng nghiên cứu

Chính sách phát triển tổ chức vệ tinh/doanh nghiệp (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học.

6. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi thời gian: Từ năm 2015 đến năm 2020.

- Phạm vi không gian: Các trường, viện thuộc và trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Phạm vi nội dung: Tác giả tập trung phân tích, đánh giá thực trạng chính sách phát triển doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp tại Đại học Quốc gia Hà Nội và có sự so sánh thực trạng với BK Holding của Đại học Bách Khoa Hà Nội.

7. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Cách tiếp cận

- Tiếp cận quản lý.
- Tiếp cận tâm lý học.
- Tiếp cận phân tích hệ thống và cấu trúc.
- Tiếp cận nội quan và ngoại quan.
- Tiếp cận quan sát

7.2. Phương pháp nghiên cứu

+ *Phương pháp nghiên cứu tài liệu:* Tác giả đã tổng hợp nghiên cứu các công trình trong nước và quốc tế liên quan đến chính sách thúc đẩy khởi nghiệp, chính sách phát triển các doanh nghiệp spin-off.

+ *Phương pháp điều tra bảng hỏi:* Khi nghiên cứu, tác giả luận án đã tiến hành điều tra bảng hỏi 205 đối tượng. Trong đó có 180 cán bộ khoa học làm việc trong các trường đại học và viện nghiên cứu, cán bộ thuộc trung tâm cung cấp dịch vụ, hỗ trợ thuộc và trực thuộc ĐHQGHN, 25 cán bộ quản lý ở ĐHQGHN.

+ *Phương pháp phỏng vấn sâu:* Tác giả tiến hành phỏng vấn sâu 20 cán bộ quản lý, nhà khoa học thuộc các lĩnh vực khác nhau từ cấp ĐHQGHN đến cấp trường thành viên.. Mẫu khảo sát

được lựa chọn phỏng vấn đảm bảo tính đại diện về lĩnh vực, độ tuổi, thâm niên công tác và chuyên môn khác nhau.

8. Ý nghĩa của nghiên cứu

Ý nghĩa khoa học: Đề tài ứng dụng các lý thuyết trong nghiên cứu một vấn đề thực tiễn là phát triển các doanh nghiệp vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp.

Ý nghĩa thực tiễn: Luận án góp phần khái quát, tổng kết và đề ra các chính sách thực tiễn để xây dựng hệ sinh thái phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp.

Tính mới của luận án: Nghiên cứu vận dụng tiếp cận theo lý thuyết hệ thống, lý thuyết các bên liên quan và khung phân tích thị trường kéo, KHCN đẩy, từ đó đề xuất giải pháp về chính sách phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học

9. Cấu trúc của luận án

Ngoài Phần mở đầu và Phần kết luận, nội dung luận án được kết cấu thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu về chính sách phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp trong trường đại học.

Chương 2: Cơ sở lý luận về chính sách phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp trong trường đại học ở Việt Nam.

Chương 3: Thực trạng chính sách phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chương 4: Giải pháp chính sách phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chương 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN CÁC TỔ CHỨC VỆ TINH (SPIN-OFF) THÀNH DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP

1.1 Các công trình nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài liên quan đến đề tài luận án

Các công trình nghiên cứu đã công bố ở nước ngoài liên quan đến luận án được tác giả nghiên cứu, phân tích theo từng nhóm vấn đề, nội dung của các công trình nghiên cứu tập trung vào các vấn đề:

Thứ nhất, tăng hiểu biết về khởi nghiệp trong sinh viên thông qua các chương trình giáo dục khởi nghiệp khuyến khích phát triển các kỹ năng cá nhân.

Thứ hai, trang bị cho sinh viên sự nghiệp tương lai của họ với tư cách là doanh nhân bằng cách đưa vào chương trình đào tạo giáo dục khởi.

Thứ ba, nghiên cứu trên cho thấy vai trò và tầm quan trọng của việc hình thành và phát triển các doanh nghiệp spin-off trong trường đại học. *Thứ tư*, mô hình đại học doanh nghiệp sẽ dần thay đổi mô hình đại học truyền thống do sự thay đổi của nhu cầu xã hội.

1.2. Các công trình nghiên cứu đã công bố ở trong nước liên quan đến đề tài luận án

Các nghiên cứu trong nước đã cho thấy rõ hơn những nội dung như:

Một là, làm rõ cơ sở lý luận về khởi nghiệp và những chính sách hỗ trợ khởi nghiệp; chính sách thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong giới trẻ đặc biệt là sinh viên; vai trò của trường đại học trong việc xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển và nhân rộng các mô hình vườn ươm, chính sách hỗ trợ hoạt động cho doanh nghiệp, thúc đẩy các hoạt động R&D.

Hai là, chỉ rõ những yếu tố tác động đến dự định khởi nghiệp của sinh viên đó là thái độ khởi nghiệp, chuẩn chủ quan, nhận thức kiểm soát hành vi, giáo dục khởi sự kinh doanh, các đặc điểm cá nhân, kinh nghiệm khởi sự và các yếu tố thuộc môi trường.

Ba là, các công trình nghiên cứu đã tiếp cận việc xây dựng chính sách ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp hay chính sách thúc đẩy hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, thương mại hóa kết quả nghiên cứu từ doanh nghiệp spin-off.

1.3 Kết quả nghiên cứu của công trình đã công bố và những vấn đề luận án tập trung giải quyết.

Kết quả cho thấy, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã đề cập đến nhiều khía cạnh của khởi nghiệp nói chung và khởi nghiệp trong trường đại học nói riêng. Tuy nhiên, chưa thấy có nghiên cứu nào thực hiện một cách có hệ thống từ lý thuyết đến thực tiễn về chính sách phát triển doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp trong trường đại học. Đồng thời, chưa có nghiên cứu nào cho thấy được những rào cản mà doanh nghiệp spin-off gặp phải trong quá trình hình thành và phát triển. Nhận thấy được khoảng trống trong nghiên cứu như vậy, tác giả luận án sẽ đóng góp tiếp cận nghiên cứu trên những điểm như sau:

Thứ nhất, làm rõ cơ sở lý luận về chính sách hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp spin-off trong trường đại học ở Việt Nam.

Thứ hai, làm rõ mối quan hệ giữa doanh nghiệp spin-off với nghiên cứu khoa học trong trường đại học và chuyển giao KH&CN.

Thứ ba, làm rõ chính sách huy động nguồn vốn để phát triển doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp.

Thứ tư, làm rõ vai trò quan trọng của đơn vị trung gian trong việc thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu khoa học và việc xây dựng tổ chức này là không thể thiếu trong trường đại học

Thứ năm, làm rõ nội dung chính sách phát triển doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp.

Thứ sáu, đánh giá thực trạng chính sách hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học ở Việt Nam hiện nay.

Việc áp dụng nghiên cứu vào một tổ chức giáo dục đại học cụ thể là ĐHQGHN một hệ thống các giải pháp cụ thể về chính sách phát triển doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học ở Việt Nam sẽ được đề xuất. Khi luận án của nghiên cứu sinh thành công sẽ có những đóng góp mới như sau:

Một là, xây dựng được một hệ thống cơ sở lý luận về chính sách phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off) trong trường đại học ở Việt Nam.

Hai là, chỉ ra sự hỗ trợ chính sách Nhà nước, Chính phủ trong việc thúc đẩy, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp.

Ba là, kết quả nghiên cứu được áp dụng vào trường hợp nghiên cứu cụ thể, sẽ góp phần làm tài liệu có ích để các chuyên gia, các nhà quản lý về giáo dục nghiên cứu, tham khảo.

Bốn là, đề xuất giải pháp giúp góp phần xây dựng thành công chính sách phát triển doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong trường đại học ở Việt Nam.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC VỆ TINH (SPIN-OFF) THÀNH DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM

2.1. Cơ sở lý luận về tổ chức vệ tinh (spin-off) trong trường đại học

2.1.1. Khái niệm tổ chức vệ tinh (spin-off)

Có rất nhiều khái niệm khác nhau về tổ chức vệ tinh (spin-off), từ các học giả nước ngoài cũng như trong nước. Xuất phát từ các khái niệm đó, tác giả luận án đã tổng quan khái niệm quốc tế và trong nước, kết hợp với sự phát triển thực tế tại Việt Nam, bước đầu tác giả đưa ra khái niệm doanh nghiệp spin-off trong trường đại học như sau: *Doanh nghiệp vệ tinh hàn lâm (doanh nghiệp spin-off) là loại hình doanh nghiệp KH&CN hình thành trong tổ chức mẹ (trường đại học). Doanh nghiệp spin-off là một đơn vị trung gian gắn kết cố định phòng thí nghiệm – nhà khoa học – nhà sản xuất. Nó sở hữu tài sản trí tuệ hoặc chuyển giao tài sản trí tuệ có khả năng sản xuất, kinh doanh sản phẩm công nghệ và giúp đẩy nhanh quá trình thương mại hóa sản phẩm công nghệ ra thị trường. Người điều hành, quản lý doanh nghiệp này phải là những nhà khoa học, giảng viên nắm giữ công nghệ.*

2.1.2. Đặc điểm tổ chức vệ tinh (spin-off)

+ Về quy mô: Là “con đẻ” của trường đại học, là các dự án công nghệ cao bắt nguồn từ nghiên cứu khoa học tạo ra tài sản trí tuệ.

+ Về công nghệ: Là doanh nghiệp khoa học gắn với công nghệ

+ Về nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực của doanh nghiệp spin-off khác với các doanh nghiệp thông thường, đó là các nhà khoa học có năng lực, trí tuệ và hơn nữa họ có tinh thần doanh thương

+ Về nguồn vốn: Được huy động từ nhiều nguồn khác nhau như: Tổ chức mẹ (trường đại học), từ gia đình, bạn bè, nhà bảo trợ kinh doanh, các chương trình trợ giúp của chính phủ và nhiều hình thức đầu tư tài chính khác.

+ Có tính trẻ và độ rủi ro: Bản chất hoạt động của doanh nghiệp spin-off là chú trọng vào nghiên cứu và triển khai, khai thác tri thức công nghệ mới, công nghệ cao, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp luôn đổi mới. Chính vì vậy, đặc điểm của doanh nghiệp này là phải có độ trẻ, có mạo hiểm và có tính rủi ro.

2.1.3. Chức năng tổ chức vệ tinh (spin-off)

Nói đến chức năng của doanh nghiệp spin-off, thì trước tiên phải xem xét doanh nghiệp này là một loại hình doanh nghiệp KH&CN “nguồn”. Chính vì vậy, nó cũng có chức năng phản ánh sự đa dạng đang tồn tại trong thực tế. Chức năng của doanh nghiệp khoa học công nghệ (doanh nghiệp spin-off) chủ yếu thực hiện các chức năng nghiên cứu ứng dụng, triển khai thực nghiệm, chuyển giao tri thức, chuyển giao ứng dụng và phát triển công nghệ.

2.1.4. Phân loại các tổ chức vệ tinh (spin-off)

Tổ chức vệ tinh (spin-off) hay chính là doanh nghiệp spin-off được phân chia thành 3 loại đó là:

1) *Doanh nghiệp spin-off nghiên cứu trực tiếp*: Là loại doanh nghiệp được tạo ra để thương mại hóa sở hữu trí tuệ xuất phát từ tổ chức KH&CN.

2) *Doanh nghiệp spin-off chuyển giao công nghệ*: là những doanh nghiệp được thành lập để thương mại một cách ngầm định tri thức và bí quyết kỹ thuật của trường Đại học.

3) *Doanh nghiệp spin-off gián tiếp*: là những doanh nghiệp được thành lập bởi các cán bộ hoặc sinh viên trong trường đại học trước đây hoặc hiện tại dựa trên kinh nghiệm của họ nhận được trong thời gian làm việc hoặc học tập tại trường nhưng không có giấy phép SHTT chính thức hoặc những quan hệ tương tự với trường học.

Dựa trên sự phân loại nói trên, tác giả tập trung nghiên cứu loại hình tổ chức spin-off này trong trường đại học để quan sát sự hình thành, tồn tại và phát triển của tổ chức trong một chu trình thời gian từ trước tới nay và định hướng sau này để làm rõ chính sách tác động đến sự phát triển của tổ chức trung gian này.

2.2. Cơ sở lý luận về doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học

2.2.1. Khái niệm doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Tại Việt Nam, thuật ngữ tổ chức KH&CN được đề cập lần đầu tiên vào năm 1980, xuất hiện trong Kết luận của Hội nghị lần thứ VI Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX. Tiếp theo, tại Nghị định 80/200-/NĐ-CP ngày 19/05/2007 và Nghị định số 90/2010/NĐ-CP ngày 20/09/2010. Đặc biệt khái niệm doanh nghiệp KH&CN được hình thành trong trường đại học đã được ghi trong Quyết định 68/1998/QĐ-TTG ngày 27/03/1998 và quy định về doanh nghiệp KH&CN được đề cập trong văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn đó là Luật KH&CN năm 2013. Kết chung lại, quan niệm về doanh nghiệp KH&CN được quy định bởi pháp luật Việt nam thống nhất ở điểm: 1) *mô hình tổ chức đều phải là doanh nghiệp*; 2) *doanh nghiệp đó có khả năng thực hiện đổi mới*; 3) *Sản xuất, kinh doanh dựa trên kết quả KH&CN*.

2.2.2. Khái niệm doanh nghiệp khởi nghiệp

Có nhiều khái niệm về doanh nghiệp khởi nghiệp. Tuy nhiên, trong nghiên cứu của mình, tác giả đưa ra khái niệm như sau: *doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp. Vì vậy, nó có đầy đủ những đặc điểm chung của các doanh nghiệp; được sản xuất kinh doanh bất kỳ mặt hàng hay dịch vụ mà pháp luật cho phép và phù hợp với giấy phép đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đòi hỏi nguồn vốn đầu tư mạo hiểm khá lớn từ phía nhà nước và luôn phải đối mặt với khả năng rủi ro cao. Bản thân các chủ thể tạo dựng và điều hành các doanh nghiệp này cũng có những đặc điểm riêng biệt, bởi họ thường là các nhà khoa học, thông thạo môi trường nghiên cứu hơn môi trường kinh doanh.*

2.2.3. Khái niệm doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường học.

Trong các nghiên cứu trong và ngoài nước, doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học thực chất là quá trình biến doanh nghiệp “nguồn” – spin-off thành “start-up”. Từ những nghiên cứu đó, tác giả đưa ra đặc điểm khái quát nhất trong nghiên cứu luận án của mình đó là; *thuật ngữ doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học thực chất là phát triển doanh nghiệp “nguồn” – “spin-off” trở thành “start-up” trong trường đại học thì phải có đủ các tiêu chuẩn sau ; (1) người*

sáng tạo công nghệ, (2) có tổ chức mẹ (trường đại học) - là nơi thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển, có chuyển giao công nghệ, (3) có những người có tinh thần kinh thương – là người áp dụng công nghệ đã được sáng tạo ra để hình thành một doanh nghiệp mới, (4) có quỹ đầu tư mạo hiểm – là người cung cấp vốn cho doanh nghiệp mới và sở hữu một số cổ phiếu hoặc chia sẻ lợi ích trong doanh nghiệp mới.

2.2.4. Mối quan hệ giữa tổ chức vệ tinh (spin-off) và doanh nghiệp khởi nghiệp (start-up)

Tổ chức vệ tinh (spin-off) và doanh nghiệp khởi nghiệp (start-up) có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nhưng lại mang những đặc điểm, vai trò và nhiệm vụ khác nhau khi đặt trong tổ chức mẹ là trường đại học. Điều này được thể hiện ở các điểm như: Cơ cấu tổ chức, quy mô, công nghệ, nguồn vốn đầu tư, đặc điểm, nguồn nhân lực, mục tiêu. Tác giả đã so sánh theo từng đặc điểm đó và giúp cho nghiên cứu có cái nhìn chính xác về mô hình tổ chức spin-off trong trường đại học cũng như ĐHQGHN đang tồn tại mạnh mẽ ở các tổ chức như: *doanh nghiệp KH&CN, phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu trọng điểm thuộc các nhóm nghiên cứu mạnh có yếu tố chuyển giao công nghệ.*

Và mối quan hệ này trả lời được câu hỏi tại sao phải phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp, nó được hưởng lợi ích gì cho việc chuyển dịch đó cụ thể: Doanh nghiệp khởi nghiệp khắc phục được vướng mắc, khó khăn như vấn đề người tham gia quản lý điều hành, vấn đề khai thác tài sản công, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sử dụng đất và vấn đề đánh giá các loại tài sản khác thuộc trường như thương hiệu, bản quyền, tài sản trí tuệ... Hơn nữa, mặc dù có bộ máy quản lý và điều hành độc lập với trường đại học, nhưng thông qua các mối liên kết, các chủ doanh nghiệp (nhà đầu tư) và doanh nhân có điều kiện bù trừ, khắc phục điểm yếu liên quan đến các giảng viên, nhà nghiên cứu trong kinh doanh. Thêm nữa, doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ đủ năng lực để đối diện với rủi ro, với cạnh tranh và hiểu được thị trường là chiến trường. Chính vì vậy, cần phải thúc đẩy doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp ngay trong tổ chức mẹ (trường đại học) tạo ra nhiều việc làm, mang lại lợi nhuận về kinh tế thông qua các sản phẩm khoa học và công nghệ được đưa ra thị trường phục vụ và đáp ứng đúng nhu cầu của xã hội.

2.3. Chính sách phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học

2.3.1. Khái niệm chính sách

Có rất nhiều khái niệm trên thế giới cũng như trong nước về “chính sách”, theo từng lĩnh vực và cách tiếp cận khác nhau. Đặc biệt theo tác giả Vũ Cao Đàm cho rằng: *“Chính sách là một tập hợp biện pháp được thể chế hóa, mà một chủ thể quyền lực, hoặc chủ thể quản lý đưa ra, trong đó tạo ra sự ưu đãi một hoặc một số nhóm xã hội, kích thích vào động cơ hoạt động của họ, định hướng hoạt động của họ nhằm thực hiện một mục tiêu ưu tiên nào đó trong chiến lược phát triển của một hệ thống xã hội”*. Trong đó “hệ thống xã hội” ở đây được hiểu theo một ý nghĩa khái quát. Đó có thể là một quốc gia, một khu vực hành chính, một doanh nghiệp, một nhà trường...

Thực tế, tùy theo quan niệm của mỗi tác giả mà các định nghĩa đưa ra nhấn mạnh vào đặc trưng này hay đặc trưng khác của chính sách. Những đặc trưng này phản ánh chính sách từ các góc độ khác nhau, song chúng đều hàm chứa những nét đặc thù thể hiện bản chất của chính sách.

2.3.2. Chính sách phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học.

- + Chính sách về mặt pháp lý
- + Chính sách về cơ cấu tổ chức
- + Chính sách về cơ sở vật chất
- + Chính sách về các thể chế hỗ trợ tài chính

+ Chính sách thương mại hóa sản phẩm

2.3.3. Vai trò của tổ chức vệ tinh (spin-off) để trở thành doanh nghiệp khởi nghiệp

Thứ nhất, là cầu nối ngắn nhất đưa kết quả nghiên cứu vào đời sống.

Thứ hai, là nơi thiết lập các quan hệ với các đối tác, các doanh nghiệp bên ngoài.

Thứ ba, là đơn vị trung gian đóng góp vào môi trường tự do và khích lệ học thuật.

Thứ tư, tạo nên sự đổi mới trong trường đại học.

Xuất phát từ chính vai trò của doanh nghiệp spin-off cho thấy sự cần thiết và quan trọng khi phát triển doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học bởi nó sẽ mang lại nhiều lợi ích như cung cấp thông tin, tư vấn, kết nối với bên ngoài và hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm, hàng hóa KH&CN để hướng tới giá trị giao dịch thành công giữa bên cung và bên cầu. Bởi vậy, các sản phẩm KH&CN được khai thác trong các spin-off cần và rất cần một doanh nghiệp khởi nghiệp để thương mại hóa sản phẩm khoa học. Doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ là nơi kết nối, thúc đẩy quá trình tạo ra tri thức, ứng dụng và lan tỏa tri thức trong nền kinh tế thị trường.

2.4. Khung lý thuyết đánh giá chính sách phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học

2.4.1. Triết lý và hệ quan điểm về chính sách phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học.

+ Về triết lý của chính sách: Triết lý này được cụ thể hóa thành mô hình đại học doanh nghiệp gắn với tinh thần khởi nghiệp sáng tạo, hoạt động với bản chất tự chủ như tự chủ về học thuật, tự chủ về tài chính, tự chủ về nhân sự.

+ Hệ quan điểm của chính sách: Hướng tới phục vụ cộng đồng vì vậy phải có; năng lực nghiên cứu, trường đại học gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp và cộng đồng và hướng đến quản trị đại học tiên tiến với mô hình tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

2.4.2. Lý thuyết và khung phân tích chính sách phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp.

1) *Tiếp cận theo lý thuyết hệ thống:* Theo Vũ Cao Đàm (2015), nói đến lý thuyết hệ thống, tác giả định nghĩa: “Hệ thống là một tập hợp những phần tử có mối liên hệ tương tác trong một môi trường xác định để thực hiện một số mục tiêu định trước”. Vì vậy, với cách tiếp cận này thì chính sách phát triển doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học được tiếp cận theo một thể thống nhất đó chính là một thể thống nhất gồm ba yếu tố đó là; nhà nước – nhà doanh nghiệp – nhà trường. Hệ thống này được mô tả bằng mối quan hệ tương quan giữa nhà nước – nhà trường, nhà nước – nhà doanh nghiệp và nhà trường - nhà doanh nghiệp. Theo học thuyết hệ thống, thì mô hình trên là một hệ thống thống nhất, trong đó các bộ phận có liên quan với nhau, tạo ra các đặc tính nổi và có mục đích nhất định. Tập hợp các phần tử này tác động qua lại lẫn nhau, tạo thành một cấu trúc, một chỉnh thể nhằm thực hiện mục tiêu chung dưới tác động qua lại giữa nội bộ các phần tử và môi trường bên ngoài. Tổ chức bao gồm các thành phần phụ thuộc lẫn nhau (hay chính là các tiểu hệ thống), có khả năng tương tác lẫn nhau để tạo thành một thể thống nhất.

2) *Lý thuyết các bên liên quan.* Lý thuyết hệ thống dù được dùng để phân tích tương tác giữa các bên có liên quan đến phát triển tổ chức vệ tinh thành doanh nghiệp khởi nghiệp nhưng nó thiếu những chỉ dẫn mang tính chiến lược để huy động sự tham gia, hỗ trợ hay giảm bớt những sự ngăn cản, những lựa chọn ngược để thực lợi chính sách. Trong thực tế, hoạt động phát triển khoa học công nghệ tồn tại nhiều bên liên quan, có thể phân chia thành Nhà nước với chính sách nói chung, Nhà trường (ĐHQGHN), thị trường và xã hội với nhiều mối quan tâm và năng lực can thiệp khác nhau. Thậm chí những chính sách, mối quan tâm của các bên có sự mâu thuẫn nhất định. Tồn tại sự bất cân xứng thông tin giữa các bên, dẫn đến những lựa chọn ngược, gây ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp. Phân chia

phù hợp về quyền lợi và trách nhiệm là chìa khóa để định khung chính sách. Do đó, lý thuyết các bên liên quan với trọng tâm phân tích dựa trên “quyền lực – lợi ích” được sử dụng để bổ sung thêm cho lý thuyết hệ thống.

Việc áp dụng lưới lợi ích và mối quan tâm/quyền lực, cũng cho phép các nhà quản lý phân loại các nhóm đối tượng, các bên liên quan và tầm quan trọng cụ thể của họ, từ đó xây dựng chiến lược phát triển phù hợp với nhu cầu của thị trường, nguồn lực của ĐHQGHN và các yêu cầu của Nhà nước.

3) *Lý thuyết về “thị trường kéo”, “khoa học công nghệ đẩy”*. Lý thuyết này được tác giả Martin, Michael J.C mô tả về thị trường kéo và khoa học công nghệ đẩy. NCS đã lựa chọn lý thuyết này để phân tích trong mối tương quan giữa thị trường và công nghệ. Từ đó, thấy rõ chính quy luật của kinh tế thị trường ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ giữa nghiên cứu khoa học với sản xuất và đào tạo. Xuất phát từ lý thuyết “thị trường kéo”, “công nghệ đẩy” thì chính quy luật của kinh tế thị trường ảnh hưởng trực tiếp đến mối quan hệ giữa nghiên cứu khoa học với sản xuất và đào tạo. Yêu cầu “kéo” của xã hội, của thị trường đã “đẩy” khoa học công nghệ phải phát triển phù hợp nhằm đáp ứng với xu hướng chung của xã hội.

Chương 3. THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC VỆ TINH (SPIN-OFF) THÀNH DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI.

3.1. Giới thiệu khái quát về Đại học Quốc gia Hà Nội

3.1.1. Cơ cấu tổ chức

ĐHQGHN có 3 cấp quản lý hành chính: 1) ĐHQGHN là đầu mối được Chính phủ giao các chỉ tiêu, kế hoạch hàng năm; có tư cách pháp nhân, có con dấu mang hình Quốc huy. Giám đốc và các Phó Giám đốc ĐHQGHN do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm. 2). Các trường đại học, viện nghiên cứu khoa học thành viên; các khoa, trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ; các đơn vị phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học trực thuộc ĐHQGHN là các đơn vị cơ sở có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. 3). Các khoa, phòng nghiên cứu và tương đương thuộc trường đại học, viện nghiên cứu khoa học thành viên và các đơn vị trực thuộc.

3.1.2. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ

Về hoạt động đào tạo: Theo Báo cáo thường niên năm 2020, hiện tại ĐHQGHN đang đào tạo 48.357 người học ở tất cả các bậc cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ với nhiều chương trình đào tạo gồm hệ chuẩn, chất lượng cao, chương trình tiên tiến, đạt chuẩn quốc tế, liên kết đào tạo quốc tế thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ, kinh tế, giáo dục, ngoại ngữ, trong đó: 40.038 sinh viên, 7.500 học viên cao học và nghiên cứu sinh, 819 sinh viên quốc tế. Về chương trình đào tạo, ĐHQGHN có 488 chương trình đào tạo trong đó có: 185 chương trình đào tạo đại học, 187 chương trình đào tạo thạc sĩ, 116 chương trình đào tạo tiến sĩ. Đặc biệt trong đó có 32 chương trình đã được kiểm định bởi Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á- AUN.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ: Các đầu mối đơn vị trực thuộc ĐHQGHN có 08 trường đại học thành viên, 04 khoa trực thuộc, 07 viện nghiên cứu và 02 trung tâm đào tạo và nghiên cứu có gắn với đào tạo và nghiên cứu với nhiều lĩnh vực. Trong năm 2020 hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ của ĐHQGHN đã đạt được nhiều thành tích như: thành lập được 33 nhóm nghiên cứu, trong đó có 27 nhóm nghiên cứu mạnh, 06 nhóm nghiên cứu tiềm năng, 216 phòng thí nghiệm trong đó có 10 phòng thí nghiệm trọng điểm, 41 phòng thí nghiệm mục tiêu, 143 phòng thí nghiệm chuyên đề, 22 phòng thí nghiệm thực hành cơ sở. Song song với những con số về khoa học và công nghệ đó, điểm nổi bật cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ được thể hiện bằng các con số sản phẩm khoa học và công nghệ đó là: 1.120 sản phẩm KH&CN trong đó 1.034 bài báo ISI và/hoặc SCOPUS, 48 sáng chế, giải pháp hữu ích và có 38 sản

phẩm chuyên giao và khởi nghiệp. Với những thành tựu KH&CN đã đạt được thì điểm đáng tự hào nữa đó là ĐHQGHN đã đạt được 32 giải thưởng trong đó: 18 giải thưởng Hồ Chí Minh, 11 giải thưởng Nhà nước và 03 giải thưởng quốc tế.

3.2. Thực trạng chính sách khoa học và công nghệ phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) của Đại học Quốc gia Hà Nội

3.2.1. Các căn cứ về sự hình thành và phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off)

Sự ra đời, hình thành và phát triển của bất kỳ một tổ chức nào cũng cần có những hành lang về mặt pháp lý. Vì vậy, doanh nghiệp spin-off, doanh nghiệp khởi nghiệp cũng có những căn cứ pháp lý để nó ra đời, hình thành và phát triển. Những thiết chế chính sách này cho thấy bức tranh tổng quan mô tả lại nhiều mốc cải cách mang tính triết lý, đặc điểm xuyên suốt là thoát dần khỏi sự độc tôn của nhà nước làm khoa học và ngày càng mang dần đặc điểm của một nền khoa học tự chủ thể hiện ở một loạt các chính sách như: Quyết định 175-CP ngày 29/4/1981 về việc ký kết hợp đồng giữa các cơ quan nghiên cứu và doanh nghiệp, Quyết định 134/HĐBT năm 1987 cho phép các cơ quan nghiên cứu và phát triển, các cơ sở đào tạo, cơ sở sản xuất và kinh doanh, Quyết định 324/CT ngày 11/9/1992 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức lại mạng lưới cơ quan KH&CN đã đề ra nguyên tắc “gắn NCKH với đào tạo, coi các trường đại học và các cơ quan KH&CN là một thể thống nhất, Nghị định 35/HĐBT (1992) cho phép trường đại học, viện nghiên cứu được thành lập các tổ chức nghiên cứu, triển khai và thay dần chế độ biên chế suốt đời cho cán bộ KH&CN bằng chế độ hợp đồng lao động. Tiếp theo là Quyết định 68/1998/QĐ-TTg về việc cho phép thí điểm thành lập doanh nghiệp nhà nước trong các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu “cho phép thành lập doanh nghiệp nhà nước trong một số trường đại học, cao đẳng công lập, viện NCKH, trung tâm khoa học công nghệ, liên hiệp khoa học - sản xuất, rồi tiếp là một loạt các Luật, Nghị định của Chính phủ đã ban hành các cơ chế hình thành phát triển triển tổ chức vệ tinh (spin-off). Từ đây, giúp phát triển các doanh nghiệp (spin-off) có đủ điều kiện về mặt pháp lý để hình thành và phát triển.

3.2.2. Chính sách phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) tại Đại học Quốc gia Hà Nội

Chính sách này được thể hiện ở một loạt các nhóm chính sách cụ thể như:

Thứ nhất: Chính sách về chiến lược phát triển KH&CN

Thứ hai: Chính sách về quản lý hoạt động KH&CN

Thứ ba: Chính sách tạo nguồn lực triển khai các nhiệm vụ KH&CN

Thứ tư: Chính sách về tài chính

Thứ năm: Chính sách về cơ sở vật chất

Thứ sáu: Chính sách hỗ trợ hoạt động ươm tạo đổi mới sáng tạo

Như vậy, nhìn chung các chính sách, thể chế, chính sách hỗ trợ hoạt động KH&CN của ĐHQGHN đã tương đối chi tiết, đầy đủ, bao trùm các nội dung cần thiết của lĩnh vực KH&CN. Tuy nhiên, toàn bộ văn bản nói trên tập trung chủ yếu vào việc định hướng chiến lược, phát triển và quản lý KH&CN và chưa có khung pháp lý, văn bản, thể chế nào quy định riêng cho sự hình thành và phát triển tổ chức vệ tinh/doanh nghiệp (spin-off), doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp, các tổ chức trung gian và các đơn vị có yếu tố chuyển giao công nghệ nhằm thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo tại ĐHQGHN. Thực tế cho thấy, các chính sách này mới chỉ “manh nha” và được lồng ghép trong các chính sách về hoạt động KH&CN nói chung. Vậy, đâu là nguyên nhân, thực tế tổ chức vệ tinh/doanh nghiệp (spin-off) đóng vai trò và vị trí như thế nào trong nền tảng, định hướng phát triển đại học theo hướng đổi mới sáng tạo. Vấn đề này, đã được khảo sát qua các cuộc phỏng vấn sâu, bảng hỏi đối với các nhà khoa học, các chuyên gia, các nhà quản lý tại ĐHQGHN và nêu rõ trong phần thực trạng khảo sát năng lực nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, là nền tảng hình thành các tổ chức vệ tinh (spin-off) giúp cho phần nghiên cứu của luận án có tính thực tiễn, chính xác và cho thấy được thực trạng, tìm được nguyên nhân từ đó đưa giải pháp, kiến nghị trong nghiên cứu của mình.

3.3. Thực trạng năng lực khoa học công nghệ thực thi chính sách phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off) tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

3.3.1. Thực trạng năng lực nghiên cứu phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off)

Tác giả khảo sát các nhà khoa học theo 2 đối tượng, thứ nhất là các nhà khoa học đã từng “*chủ trì*” đề tài, nhiệm vụ KHCN, thứ hai với vai trò là “*thành viên tham gia*” đề tài, nhiệm vụ KHCN, giúp thấy được năng lực nghiên cứu cũng như thực trạng các nhóm nghiên cứu sẽ phát triển như thế nào từ khảo sát này để có căn cứ làm tiền đề cho việc phát triển “lõi” KHCN định hướng và là nền tảng cho sự phát triển doanh nghiệp “spin-off”.

Xét tương quan giữa các nhóm chức danh, học vị và nhóm số lượng đề tài “*chủ trì*” của các nhà khoa học và các nhóm chức danh, học vị và nhóm số lượng đề tài “*tham gia*” của các nhà khoa học, tác giả nhận thấy trình độ chuyên môn càng cao thì số lượng chủ trì hay tham gia đề tài càng lớn và đều là các đề tài cấp cao như đề tài cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh, thành phố... Điều này được xem là phù hợp với năng lực và kinh nghiệm trong nghiên cứu của các nhà khoa học đầu đàn, đầu ngành. Qua khảo sát về năng lực nghiên cứu ở 2 nhóm đối tượng là “*chủ trì*” và “*thành viên tham gia*” cho thấy rằng năng lực nghiên cứu của các nhà khoa học là rất lớn, là một nguồn lực mà ĐHQGHN và nhà nước có thể khai thác mang lại nhiều lợi ích khi áp dụng KH&CN vào phát triển đất nước, vấn đề đặt ra là làm thế nào để đưa các sản phẩm nghiên cứu khoa học đó đến với đời sống để thực sự những kết quả nghiên cứu đó không còn nằm “trong ngăn kéo”.

3.3.2. Thực trạng chuyển giao khoa học công nghệ tại Đại học Quốc gia Hà Nội

Tác giả tiếp cận khách thể là các nhà khoa học từng chủ trì hoặc từng tham gia đề tài nghiên cứu với việc chuyển giao kết quả nghiên cứu đó thực tế như thế nào, thực sự có nhu cầu, sự chuyển giao này có cần thiết hay không, các nhà khoa học có chủ động trong việc chuyển giao chưa và nếu có chuyển giao thì các địa chỉ chuyển giao là những tổ chức như thế nào. Đây là cơ sở cho việc hình thành và phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off) dựa trên nền tảng KH&CN, dựa trên tri thức để giúp việc thương mại hóa thành công

Trước hết, phải khẳng định rằng chuyển giao kết quả nghiên cứu là một phần tất yếu trong nghiên cứu. Vì vậy, tác giả khảo sát sự chuyển giao khoa học công nghệ ở 2 đối tượng:

Thứ nhất, sự chuyển giao đối với các nhà khoa học đã từng chủ trì đề tài, nhiệm vụ KHCN.

Thứ hai, các đề tài, nhiệm vụ KHCN mà các nhà khoa học đã từng tham gia.

Kết hợp với việc khảo sát các đối tượng nói trên, tác giả còn tiến hành phỏng vấn sâu với những nội dung liên quan như những nguyên nhân khó khăn trong quá trình tìm kiếm và chuyển giao và sự cần thiết thành lập tổ chức vệ tinh (spin-off) trong trường đại học

Thực tế, các kết quả khảo sát cho thấy sự kết hợp giữa năng lực nghiên cứu, nhu cầu chuyển giao, sự chủ động tìm kiếm đối tác để chuyển giao, những đối tác được tìm kiếm để chuyển giao và sự cần thiết phải thành lập các tổ chức/doanh nghiệp vệ tinh (spin-off) đã đánh giá khách quan thực trạng chuyển giao KHCN của ĐHQGHN. Vấn đề đặt ra năng lực có, nhu cầu có mà lại chưa tìm được phương thức để chuyển giao theo đúng những năng lực nghiên cứu hiện có. Đó chính là rào cản về mặt chính sách chưa thông thoáng, chưa tạo ra động lực, chưa tạo ra cơ chế để giúp các nhà khoa học, nhà quản lý tiếp cận được với thị trường xã hội bên ngoài mang sản phẩm khoa học của mình phục vụ cuộc sống.

3.4. Kết quả thực thi chính sách phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off) thành các doanh nghiệp khởi nghiệp trong Đại học Quốc gia Hà Nội

3.4.1. Thực trạng hoạt động các tổ chức vệ tinh (spin-off) tại ĐHQGHN

Tác giả khảo sát thực tế tại 2 doanh nghiệp spin-off tiêu biểu tại ĐHQGHN là: Công ty TNHH Khoa học Tự nhiên trực thuộc Trường Đại học Khoa học Tự nhiên và Công ty Công nghệ vi sinh IMBT thuộc Viện Vi sinh vật và Công nghệ sinh học để thấy được các chính sách trong ĐHQGHN

như; chính sách về cơ cấu hoạt động, về tài chính, về nhân lực, về cơ sở vật chất, về sở hữu trí tuệ, về cách thức quản lý điều hành đã và đang thực hiện trong 2 mô hình doanh nghiệp spin-off này và đã có những điểm mạnh nào để tiếp tục triển khai và còn những hạn chế nào để khắc phục. Sau đó, có sự tham chiếu thực tiễn kinh nghiệm của Công ty BK Holding trực thuộc Đại học Bách Khoa Hà Nội cũng với những chính sách tương tự nhưng BK Holding đã có những kinh nghiệm gì và đạt được thành công như ngày hôm nay. Từ đây, chỉ ra những rào cản để thấy được cần bổ sung, điều chỉnh hoặc đề xuất chính sách riêng cho loại hình doanh nghiệp khởi nguồn spin-off trong trường đại học để nó hình thành và phát triển thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong tương lai.

3.4.2. Đánh giá kết quả thực thi chính sách phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp.

Tác giả tiếp cận theo 3 nội dung sau nhằm đánh giá cơ chế hỗ trợ từ ĐHQGHN với mong muốn đưa ra được một khung chính sách phù hợp cho sự phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) này:

Thứ nhất: Cơ cấu tổ chức

Thứ hai: Vai trò chính sách hỗ trợ của ĐHQGHN trong việc thúc đẩy phát triển và nâng cao năng lực các tổ chức vệ tinh (spin-off).

Thứ ba: Đánh giá các chính sách hỗ trợ cụ thể đối với việc phát triển các doanh nghiệp vệ tinh (spin-off)

Từ những nội dung chính sách này, đối sánh với toàn bộ khung chính sách của ĐHQGHN đã và đang triển khai, thực hiện theo các tiêu chí cụ thể và có những tác động nhất định đến quá trình phát triển doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp. Tuy nhiên, nhìn lại tổng thể thì chưa thấy có chính sách riêng và đặc thù cho việc phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off) trong ĐHQGHN. Thực tế, những chính sách đặc thù đó đang nằm “manh nha” tại các chính sách tổng thể mà chưa được gọi tên cụ thể. Chính vì vậy, căn cứ vào kết quả khảo sát và thực tiễn đang triển khai tại các doanh nghiệp spin-off của ĐHQGHN, cho thấy rõ vấn đề đặt ra cần giải quyết từ những khoảng trống trong chính sách đó là:

- 1) Chính sách về thể chế đặc thù
- 2) Chính sách về tạo nguồn lực
- 3) Chính sách về sở hữu trí tuệ, thương mại hóa

Chương 4. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN TỔ CHỨC VỆ TINH (SPIN-OFF) THÀNH DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

4.1. Căn cứ đề xuất giải pháp

4.1.1. Kinh nghiệm quốc tế

Căn cứ vào thực tiễn phát triển tại các nước trên thế giới về cách thức thay đổi trong quản trị đại học. Các trường đại học đã tìm thấy lối đi cho mình bằng sự gắn kết giữa giới học thuật hàn lâm với giới công nghiệp. Một trong những nước phát triển mô hình doanh nghiệp (spin-off) thành công đó là Mỹ mà đặc biệt là Viện công nghệ Massachussets (MIT). Tiếp theo là Đại học Công nghệ Twente (UT), Hà Lan, các trường đại học tại Isarel và đại học Quốc gia – NUS, đại học Công nghệ Nanyang - NTU của Singapore, các trường đại học Đài Loan. Hai nước này là những nước đứng đầu châu Á và đứng vị trí thứ 8 trên thế giới về chỉ số GEI (GEI là chỉ số khởi nghiệp toàn cầu đo lường chất lượng và quy mô của quá trình khởi nghiệp kinh doanh ở 130 quốc gia trên thế giới với mục đích để xây dựng hệ sinh thái thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp kinh doanh). Mỗi quốc gia này đều có cách triển khai khác nhau nhưng tựu chung lại là sự gắn kết trường đại học với doanh nghiệp và phát triển, xây dựng văn hóa và kỹ năng khởi nghiệp. Chính bởi vậy, căn cứ vào thực tiễn thành công của các nước trên thế giới trong vấn đề quản trị đại học, cho thấy được bài học kinh nghiệm và những căn cứ để tiến hành chuyển đổi quản trị đại học sao cho thích ứng, phù hợp với điều kiện của đất nước.

4.1.2. Căn cứ vào hệ thống giáo dục đại học tại Việt Nam

Sau khi Quyết định số 68/1998/QĐ-TTg ngày 27/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ cho phép thí điểm thành lập doanh nghiệp nhà nước trong các cơ sở đào tạo cơ sở nghiên cứu thì xuất hiện hàng loạt doanh nghiệp xuất phát từ các trường đại học công và viện nghiên cứu. Trong quá trình nghiên cứu và thu thập tài liệu, tác giả đã tổng hợp lại toàn bộ các doanh nghiệp KHCN được thành lập tại một số trường đại học công lập và viện nghiên cứu để thấy được điểm mạnh và điểm yếu với mục đích tập hợp dữ liệu để có cái nhìn tổng quát, làm cơ sở cho việc hình thành và phát triển mô hình spin-off trong các trường đại học/viện nghiên cứu.

4.1.3. Căn cứ vào chính sách, hành lang pháp lý của Đảng và Nhà nước.

Quyết định số 175-CP ngày 29/4/1981 của Chính phủ là một bước đột phá quan trọng, đặt nền móng cho sự liên kết khoa học – công nghiệp.

Nghị định số 51-HĐBT ngày 17/5/1983 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đưa ra hai vấn đề quan trọng: chuyển một số viện nghiên cứu công nghệ và doanh nghiệp nhằm gắn kết hoạt động NC&TK với sản xuất, đồng thời cho phép các viện công nghệ được mở các xí nghiệp vệ tinh phục vụ sản xuất các sản phẩm từ kết quả NC&TK, đáp ứng nhu cầu thị trường nhưng chưa có điều kiện sản xuất công nghiệp.

Quyết định 134/HĐBT ngày 31/8/1987 của Hội đồng Bộ trưởng khẳng định quan điểm gắn kết giữa nghiên cứu và sản xuất.

Chỉ thị số 199-CT ngày 25/6/1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng với mục tiêu tăng cường liên kết Khoa học – Công nghiệp.

Quyết định 268/CT ngày 30/7/1990 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về đăng ký và hoạt động của các tổ chức là kinh tế do cơ quan hành chính và các đoàn thể thành lập.

Nghị định 35-HĐBT ngày 28/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng được ban hành, các cơ quan NC&TK có nhiều thuận lợi trong lĩnh vực nghiên cứu, sản xuất và phục vụ sản xuất.

Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020. Theo đó, mục tiêu đặt ra đến năm 2020 là xây dựng doanh nghiệp Việt Nam có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững ... cả nước có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp hoạt động, trong đó có các doanh nghiệp quy mô lớn, nguồn lực mạnh... Hàng năm, khoảng 30-35% doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động đổi mới sáng tạo.

Nghị quyết số 35/CQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 cũng xác định mục tiêu đến năm 2020 là xây dựng doanh nghiệp Việt Nam có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững.

Tiếp theo, Chính phủ ban hành Nghị định 50/NĐ-CP ngày 17/4/2020 về việc thực hiện Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị Quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 đã đưa ra các hoạt động tích cực tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp.

Quyết định 1665/QĐ-TTg ngày 30/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”.

Kế hoạch số 239/KH-BGDĐT ngày 16/04/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai đề án “Hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025”

Từ hệ thống chính sách nói trên, thấy rõ được sự định hướng của Đảng và Nhà nước trong nhiệm vụ phát triển KH&CN gắn kết giữa nghiên cứu, đào tạo và sản xuất – kinh doanh.

4.1.4. Căn cứ năng lực hoạt động KH&CN tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

Thứ nhất: Căn cứ vào kết quả KH&CN đạt được.

Thứ hai: Căn cứ vào sự phát triển sản phẩm KH&CN.

Thứ ba: Căn cứ kết quả hoạt động dịch vụ, chuyển giao, thương mại hóa sản phẩm KHCN.

Tất cả những căn cứ trên, cũng được thể hiện rõ quan điểm chỉ đạo của ĐHQGHN tại đại hội Đảng bộ ĐHQGHN khóa VI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, với khẩu hiệu hành động nhiệm kỳ 2020 - 2025 là “Đổi mới sáng tạo – Trách nhiệm quốc gia - Phát triển bền vững”.

4.2 Giải pháp hoàn thiện phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các trường đại học.

4.2.1. Các giải pháp phát triển

4.2.1.1. Tạo nguồn lực từ huy động vốn cộng đồng (crowdfunding)

Tạo nguồn lực huy động vốn cộng đồng (crowdfunding) là hình thức kêu gọi sự giúp đỡ của cộng đồng để giúp chủ dự án hay cá nhân nào đó nghĩ ra ý tưởng mới nhằm hoàn thành được dự án hay sản phẩm của họ khi họ hoàn toàn không có tài chính để thực hiện dự án của mình.

4.2.1.2. Tạo nguồn lực từ nhà đầu tư thiên thần (Angel investor)

Với hệ thống nhà đầu tư thiên thần, nhiều cá nhân, doanh nghiệp có ý tưởng mới đã thu hút được sự đầu tư của các nhà đầu tư thiên thần. Vì vậy, với mô hình doanh nghiệp spin-off trong trường đại học muốn kêu gọi được các nhà đầu tư thiên thần cần có những giải pháp sau:

Thứ nhất, trường đại học xây dựng một cộng đồng những doanh nhân thành đạt, những chuyên gia giàu kinh nghiệm.

Thứ hai, nhằm thúc đẩy doanh nghiệp spin-off thành doanh nghiệp khởi nghiệp với những bước đi vững chắc và ngắn nhất thì trường đại học phải hình thành một cơ chế kết nối bền vững giữa hai đầu: nhà đầu tư/người hướng dẫn/người kết nối thị trường và các bạn sinh viên khởi nghiệp.

Thứ ba, trường đại học tham gia vào hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia.

4.2.1.3. Tạo nguồn lực từ các quỹ đầu tư mạo hiểm (Venture capital)

Thứ nhất, nâng cao năng lực của đội ngũ các nhà khoa học, nhà quản lý trong các tổ chức vệ tinh (spin-off).

Thứ hai, xây dựng quản trị tổ chức vệ tinh (spin-off) chuyên nghiệp.

Thứ ba, định hướng chiến lược rõ ràng, là một đơn vị nằm trong tổ chức mẹ (trường đại học) nhưng hoạt động với tư cách là một doanh nghiệp KH&CN.

Thứ tư, minh bạch tài chính, sự thu hút vốn đầu tư là một bí quyết thành công của doanh nghiệp.

Thứ năm, thiết lập dự án, đây là điều kiện quan trọng nhất của việc thu hút vốn đầu tư mạo hiểm.

Thứ sáu, ngoài việc thu hút các quỹ đầu tư mạo hiểm từ bên ngoài thì trường đại học cũng cần chủ động thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm hỗ trợ các doanh nghiệp vệ tinh khởi nghiệp từ các nguồn phát triển KH&CN.

4.2.1.4. Thành lập các tổ chức trung gian

Thứ nhất, trường đại học thành lập tổ chức trung gian (có thể dưới nhiều hình thức khác nhau) có vai trò đầu mối, dẫn dắt trong mô hình đại học đổi mới sáng tạo, giúp liên kết, liên thông, thu thập, môi giới chia sẻ, xử lý thông tin

Thứ hai, trường đại học phải chuyên nghiệp hóa việc kết nối, cung cấp dịch vụ của tổ chức trung gian đang hoạt động bằng cách tất cả các nhiệm vụ khoa học được tập hợp tại các tổ chức trung gian.

Thứ ba, trường đại học phải xác định được nhiệm vụ KHCN mũi nhọn để đầu tư trọng điểm và hiệu quả.

Thứ tư, trường đại học cần duy trì, gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, bên cạnh đó tổ chức các hoạt động và phát triển nền tảng thúc đẩy mối liên hệ giữa đại học và ngành công nghiệp thông qua hội chợ thương mại hay diễn đàn hợp tác.

Thứ năm, về việc định hướng cho sinh viên trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trường đại học cần xây dựng các câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.

4.4.2. Điều kiện để thực hiện các giải pháp phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp.

4.2.2.1. Điều kiện cần: Phải có công nghệ mới, có thị trường công nghệ, có vốn

4.2.2.2. Điều kiện đủ: Phải có hành lang pháp lý đủ lớn, văn hóa của nhà lãnh đạo, các nhà khoa học phải có tinh thần kinh thương

4.3. Giải pháp hoàn thiện phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội

4.3.1. Quan điểm, định hướng, mục tiêu, nguyên tắc đề xuất bổ sung, hoàn thiện giải pháp

Căn cứ trên những nghiên cứu thực tiễn, tác giả đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách. Tuy nhiên, để có được những chính sách đó thì trước tiên phải có sự thống nhất xuyên suốt đó chính là:

Thứ nhất: Quan điểm, định hướng đề xuất giải pháp

Thứ hai: Mục tiêu đề xuất giải pháp

Thứ ba: Nguyên tắc đề xuất giải pháp

4.3.2. Giải pháp hoàn thiện phát triển tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội

4.3.2.1. Bổ sung, hoàn thiện nhóm chính sách quản lý

Thứ nhất, ĐHQGHN cần phải rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý, điều hành trong các lĩnh vực hoạt động của ĐHQGHN.

Thứ hai, ĐHQGHN cần có giải pháp về nguồn nhân lực.

Thứ ba, ĐHQGHN cần thành lập Văn phòng chuyển giao công nghệ.

Thứ tư, ĐHQGHN cần xây dựng chính sách khen thưởng cho các giảng viên, nhà khoa học khi có những nghiên cứu, hợp tác với doanh nghiệp tạo nền tảng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Thứ năm, cần chủ động mời các nhà quản lý, nhà quản trị giỏi ở các doanh nghiệp tham gia vào hoạt động đào tạo, nghiên cứu vào làm việc tại các doanh nghiệp/đơn vị kinh doanh của nhà trường

4.3.2.2. Nhóm chính sách về hỗ trợ đào tạo, hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ.

Một là, gắn nghiên cứu với đào tạo và sản xuất.

Hai là, thiết lập mối quan hệ giữa nhà trường và doanh nghiệp.

Ba là, thành lập mô hình VNU Holding.

Bốn là, hợp tác quốc tế.

Năm là, xây dựng chính sách sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm hoặc tri thức được thương mại hóa.

4.3.2.3. Nhóm chính sách về tạo nguồn lực, hỗ trợ hoạt động

Thứ nhất, nguồn lực tài chính.

Thứ hai, hoạt động hỗ trợ ươm tạo.

Thứ ba, xây dựng chính sách tuyên truyền hiệu quả.

4.3.2.4. Nhóm chính sách xúc tiến đầu tư thương mại và đổi mới sáng tạo.

Thứ nhất, thực hiện nhiệm vụ xúc tiến đầu tư thương mại và đổi mới sáng tạo.

Thứ hai, thực hiện nhiệm vụ quản lý và thúc đẩy các hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của ĐHQGHN

+ Về chính sách hoạt động xúc tiến đầu tư

Một là, ĐHQGHN cần xây dựng quy định, hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát tình hình triển khai chiến lược, quy hoạch, kế hoạch về xúc tiến đầu tư trong toàn ĐHQGHN.

Hai là, ĐHQGHN thực hiện các giải pháp, hoạt động xúc tiến đầu tư, tư vấn hỗ trợ các nhà đầu tư và kiến tạo môi trường đầu tư minh bạch, đúng pháp luật nhằm thu hút đầu tư, huy động nguồn lực hợp pháp cho các dự án đầu tư của ĐHQGHN.

Ba là, ĐHQGHN cần có đơn vị chức năng là đầu mối tiếp xúc, thông tin cho nhà đầu tư về các dự án đầu tư

+ Chính sách về hoạt động đổi mới sáng

Một là, ĐHQGHN cần có một cơ chế về xây dựng và thực hiện nhiệm KH&CN và ĐMST, phát triển ý tưởng sáng tạo và khởi nghiệp.

Hai là, ĐHQGHN cần tạo môi trường và điều kiện để các doanh nghiệp có cơ hội tương tác với nhà khoa học .

Ba là, ĐHQGHN cần thúc đẩy hợp tác với các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu, các doanh nghiệp, các tổ chức, các cá nhân trong và ngoài nước trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Nội dung của luận án được trình bày ở trên, đã bàn về “Chính sách phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp khởi nghiệp trong trường đại học ở Việt Nam (Nghiên cứu trường hợp Đại học Quốc gia Hà Nội)”. Để có cái nhìn tổng quát về toàn bộ nội dung nghiên cứu, tác giả luận án sẽ điểm lại một số điểm chính như sau:

Về cơ sở lý luận của của nghiên cứu: Khẳng định các tổ chức vệ tinh (spin-off) là các doanh nghiệp KH&CN, nhóm nghiên cứu mạnh, trung tâm nghiên cứu có yếu tố chuyển giao công nghệ, phòng thí nghiệm trọng điểm tại các trường đại học/viện nghiên cứu

Về triển khai đánh giá năng lực KH&CN được đánh giá ở 2 nội dung đó là; thực trạng nghiên cứu khoa học và năng lực chuyển giao KH&CN của các nhà khoa học.

Xuất phát từ những nghiên cứu thực tiễn đó, nhận thấy những hạn chế, những khoảng trống trong chính sách và quản lý được phân tích nói trên, tác giả đã có căn cứ đề xuất các nhóm giải pháp như: Hoàn thiện bổ sung giải pháp phát triển các tổ chức vệ tinh (spin-off) thành doanh nghiệp

khởi nghiệp. Đồng thời khẳng định rằng việc thành lập các tổ chức/doanh nghiệp spin-off và các mô hình doanh nghiệp khởi nghiệp (startup) có nguồn gốc từ các kết quả nghiên cứu là một trong những yếu tố đặc trưng của các trường đại học trong thời kỳ giáo dục đại học 4.0.

Với những nghiên cứu của mình xuất phát từ thực tiễn, tác giả đã đưa ra kiến nghị với Chính phủ và với các trường đại học.

Đối với Chính phủ

Chính phủ cần sớm có nghị định và văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Giáo dục Đại học và Luật Bổ sung, sửa đổi Luật Giáo dục Đại học về việc thành lập doanh nghiệp trong các trường đại học. Đồng thời rà soát, điều chỉnh, bổ sung Luật Viên chức cho phép viên chức, nhà khoa học được phép điều hành quản lý doanh nghiệp spin-off.

Cần xây dựng văn bản và có những hướng dẫn đặc thù thực hiện cho loại hình doanh nghiệp spin-off trong trường đại học. Chính phủ cần có chính sách giao quyền cho các cơ sở nghiên cứu, trường đại học quyết định khai thác, sử dụng các sản phẩm đề tài nghiên cứu từ nguồn ngân sách nhà nước và chịu trách nhiệm về nguồn kinh phí thu được cho việc tái đầu tư cho nghiên cứu.

+ Đối với Trường đại học

Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, truyền thông và đào tạo về khởi nghiệp, thúc đẩy tinh thần doanh nhân trong nhà trường.

Xây dựng và phát huy hiệu quả mối quan hệ hợp tác giữa 3 bên trong mô hình xoắn: Nhà nước – Nhà trường – Nhà doanh nghiệp.

Cần xây dựng năng lực tự chủ để tạo động lực cho phát triển và sử dụng hiệu quả các nguồn lực KH&CN và đa dạng hóa hoạt động KH&CN nhằm nâng cao chất lượng NCKH. Từ đó, có nguồn lực để định hướng mô hình đại học khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Xây dựng chính sách đặc thù về chế độ đãi ngộ, cơ chế hợp tác, khuyến khích đội ngũ trí thức, khoa học và các cá nhân tích cực khai thác các hợp tác với doanh nghiệp nhằm kết hợp việc đăng ký, xác lập và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ cho các doanh nghiệp để có nguồn thu từ nghiên cứu, phát triển.